

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6- THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 54 /2026/HS-ST
Ngày: 05/8 /2026

Thanh hoá, ngày 05 tháng 08 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6-THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Tạ Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Lược; Ông Tống Đức Như.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Minh Anh - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 6- Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6- Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Doãn Thị Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6- Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2026/TLST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1022/2026/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo:

Đặng Thi B , sinh ngày 02 tháng 6 năm 1990, tại: Xã H, tỉnh Thanh Hóa; Căn cước công dân số 038190001101 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 08/04/2021; nơi cư trú: Thôn V, xã H, tỉnh Thanh Hóa (nay là thôn Đ, xã H, tỉnh Thanh Hóa) ; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ ; tôn giáo: không; con ông: Không xác định và bà **Đặng Thi B1** sinh năm 1950; Có chồng là: **Trương Văn D** sinh năm 1990, Có 02 con; con lớn sinh năm 2023, con nhỏ sinh năm 2024; Tiền án; Tiền sự: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- Bị hại: Bà **Nguyễn Thi L** sinh năm 1948

Trú tại: Thôn V, xã H (nay là thôn Đ, xã H, tỉnh Thanh Hóa), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

Đặng Thị B là hàng xóm với gia đình ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1950, trú tại thôn V, xã H, tỉnh Thanh Hóa (nay là thôn Đ xã H, tỉnh Thanh Hóa). Biết bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1948, là chị gái của ông Q vừa đi làm ăn tại Trung Quốc về, sinh sống tại gia đình ông Q có tích góp được tiền, vàng để an dưỡng tuổi già. Do cần tiền tiêu xài nên khoảng 15 giờ 00 phút ngày 19/03/2026, Đặng Thị B sang nhà ông Q chơi, lợi dụng lúc mọi người không để ý, B đi vào nhà vệ sinh rồi lên phòng bà L thì thấy đệm trên giường ngủ bị kênh lên nên B lật ra, thấy dưới đệm có 01 (một) túi da màu đen. B mở túi ra thì thấy bên trong có: Một số tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng); 01 (một) khăn voan bọc bên ngoài 01 (một) tập tiền mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) và 01 (một) tập tiền mệnh giá 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng); 01 (một) nhẫn vàng và 01 (một) dây chuyền vàng. B nhanh chóng lấy toàn bộ số tài sản trong túi giấu vào cặp quần trước bụng rồi đặt túi da lại vị trí cũ và ra ngoài ngồi chơi một lúc rồi đi về. Trên đường về, đến khu vực giữa cầu bê tông bắc qua sông H thuộc địa phận thôn V, xã H, tỉnh Thanh Hóa thì B ném chiếc khăn voan bọc bên ngoài số tiền xuống sông, rồi tiếp tục đi về nhà giấu số tài sản vừa trộm cắp được vào tủ quần áo. Chiều cùng ngày, B lấy ra 20.200.000 đồng (Hai mươi triệu hai trăm nghìn đồng) từ số tài sản trộm cắp được để mang đi trả nợ và chi tiêu cá nhân cụ thể như sau:

- Chiều tối ngày 19/3/2026 B trả nợ tiền cho chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1983 trú tại thôn V, xã H, tỉnh Thanh Hóa số tiền 3.200.000đ (ba triệu hai trăm nghìn đồng), trả nợ cho bà Hoàng Thị C, sinh năm: 1967 trú tại thôn V, xã H, tỉnh Thanh Hóa số tiền 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) và mua đồ ăn chi tiêu mua sắm cá nhân hết 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

- Sáng ngày 20/3/2026, B trả nợ tiền vật liệu xây dựng nhà trước đó cho chị Tổng Thị M, sinh năm: 1983 trú thôn V, xã H, tỉnh Thanh Hóa với số tiền là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Chiều ngày 20/03/2026, bà L kiểm tra, phát hiện bị mất trộm tài sản nên đến Công an xã H, tỉnh Thanh Hóa để trình báo sự việc. Theo báo cáo của bị hại, số tài

sản bị trộm cắp gồm 84.000.000 đồng (T mươi bốn triệu đồng) tiền mặt, 01 (một) nhẫn vàng 24k trọng lượng 1,5 chỉ và 01 (một) dây chuyền vàng 24k trọng lượng 05 chỉ.

Đến khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày biết không thể trốn tránh được nên B đã đến Cơ quan công an xã H xin đầu thú và tự nguyện giao nộp số tài sản trộm cắp của bà Nguyễn Thị L vào ngày 19/3/2026.

+ Số tiền 63.900.000 đồng (Sáu mươi ba triệu chín trăm nghìn đồng).

+ 01 (một) sợi dây chuyền dạng mắt xích nối nhau, chiều dài 46,5cm có gắn 01 (một) mặt dây chuyền hình trái tim, có chạm khắc hoa văn hình bông hoa, viền ngoài có dạng đan lưới/ren đều bằng kim loại màu vàng.

+ 01 (một) nhẫn tròn trơn bằng kim loại màu vàng, đường kính 02cm.

Ngày 30/4/2026 B đã giao nộp thêm số tiền 20.100.000đ (Hai mươi triệu một trăm nghìn đồng).

Kết quả khám nghiệm hiện trường:

Quá trình xác định, khám nghiệm hiện trường, xác định:

Nơi xảy ra vụ án được xác định là tại gian phòng ngủ thứ hai nhà ông Nguyễn Văn Q. Trong gian phòng ngủ thứ hai sát góc T là giường ngủ bằng gỗ kích thước 120cm x 195cm, đầu giường hướng Nam, trên giường có trải đệm, mắc màn, chăn gối lộn xộn; trên mặt đệm đầu giường có túi giấy, bút, sổ và dây sạc điện thoại đặt tập trung. Liền kê giường ngủ về phía Nam và sát tường T1 là bàn kim loại, phía trên mặt bàn có các vật dụng gồm nôi, bát, cốc, hộp nhựa, ... để gọn. Trong phòng sát tường D về phía Nam cửa vào là kệ treo quần áo, thời điểm khám nghiệm kệ có treo móc quần áo gọn gàng.

Vị trí tài sản bị mất được xác định là phía dưới đệm cuối giường ngủ.

- Phương tiện, dấu vết, tài liệu và mẫu vật thu lượm được: Không.

Kết luận giám định:

- Kết luận giám định số 1995/KL-KTHS ngày 07/04/2026 của V1 Bô C2 , kết luận:

+ 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng được chế tác dạng các mắt xích nối nhau, có gắn 01 (một) mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng hình trái tim, có chạm khắc hoa văn hình bông hoa, viền ngoài có dạng đan lưới/ren gửi giám định có khối lượng: 15,21g là [V \(A\)](#), hàm lượng Au trung bình: 99,96%.

+ 01 (một) nhẫn tròn trơn bằng kim loại màu vàng gửi giám định có khối lượng 4,47g là [V \(Au\)](#), hàm lượng Au trung bình: 99,93%.

- Kết luận giám định số 2051/KL-KTHS ngày 24/04/2026 của [Phòng K Công an tỉnh T](#) kết luận: Phát hiện được 02 (hai) dấu vết đường vân không đủ yếu tố giám định trên túi.

- Kết luận giám định số 2113/KL-KTHS Ngày 30/04/2026 của [Phòng K Công an tỉnh T](#), kết luận: Trên 01 (một) túi da gửi giám định có ADN của nhiều người, không tách được kiểu gen riêng biệt của từng người. (BL 88)

Định giá tài sản:

Kết luận định giá tài sản số 02/KLHĐĐGTS ngày 21/04/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS [xã H](#), kết luận:

- 01 (một) sợi dây chuyền dạng mắt xích nối nhau, chiều dài 46,5cm có gắn 01 (một) mặt dây chuyền hình trái tim, có chạm khắc hoa văn hình bông hoa, viền ngoài có dạng đan lưới/ren đều bằng Vàng ([A](#)) có tổng khối lượng: 15,2158g, hàm lượng Au trung bình: 99,96%, có giá trị: **67.253.836đ** (*Sáu bảy triệu hai trăm năm ba nghìn tám trăm ba sáu đồng*)

- 01 (một) nhẫn tròn trơn đường kính 02cm bằng Vàng ([A](#)), có khối lượng 4,4794g, hàm lượng [A](#): 99,93%, có giá trị: **19.769.085đ** (*Mười chín triệu bảy trăm sáu chín nghìn không trăm tám năm đồng*).

Trung cầu giám định kỹ thuật số điện tử:

Quá trình xác minh, Cơ quan CSĐT đã rà soát camera tại gia đình ông [Nguyễn Văn Q](#), ghi nhận được 02 camera có dữ liệu điện tử.

Tại bản kết luận giám định số 1972/KL-KTHS ngày 17/04/2026 của [Phòng K, Công an tỉnh T](#) giám định kỹ thuật số điện tử đối với các đoạn video ghi hình của camera nhà ông [Nguyễn Văn Q](#) mà Cơ quan CSĐT thu thập được ghi nhận hình ảnh [Đặng Thi B](#) tại thời điểm đi vào và đi ra từ phòng vệ sinh sát phòng ngủ của bà [Nguyễn Thi L](#) vào chiều ngày 19/3/2026, kết luận:

Không tìm thấy dấu vết chỉnh sửa, cắt ghép nội dung hình ảnh trong tệp video lưu trong mẫu vật gửi giám định. Trích xuất 04 (bốn) ảnh trong 02 (hai) trang giấy khổ A4.

Xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra xác minh, Cơ quan CSĐT [Công an tỉnh T](#) đã tạm giữ các đồ vật, tài sản gồm: 01 (một) chiếc túi da màu đen có quai đeo; Số tiền 63.900.000 đồng (Sáu mươi ba triệu chín trăm nghìn đồng) gồm: 100 (Một trăm) tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng); 69 (Sáu mươi chín) tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và 01 (một) tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng); 01 (một) sợi dây chuyền dạng mắt xích nối nhau, chiều dài 46,5cm có gắn 01 (một) mặt dây chuyền hình trái tim, có chạm khắc hoa văn hình bông hoa, viền ngoài có dạng đan lưới/ren đều bằng kim loại màu vàng; 01 (một) nhẫn tròn trơn bằng kim loại màu vàng, đường kính 02cm xác định là tài sản nêu trên là tài sản hợp pháp của bà [Nguyễn Thị L](#), sinh năm: 1948 trú tại [thôn V, xã H, tỉnh Thanh Hóa](#). Xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nêu trên, Cơ quan CSĐT đã trả lại cho chủ sở hữu quản lý, sử dụng.

- 01 (một) DVD lưu trữ các đoạn video được trích xuất từ Camera của gia đình ông [Nguyễn Văn Q](#) chuyển theo hồ sơ vụ án phục vụ truy tố, xét xử.

**** Về trách nhiệm dân sự:***

Quá trình điều tra, [Đặng Thị B](#) giao nộp tiền và tài sản trộm cắp của bà [L](#). Bà [Nguyễn Thị L](#) đã nhận lại đầy đủ tài sản bị mất cắp và không có ý kiến thắc mắc, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Bản cáo trạng số: 18/CT-VKSKV6 ngày 06/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Thanh Hoá đã truy tố [Đặng Thị B](#) về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của BLHS.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6-Thanh Hoá đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 điều 52; Điều 65 BLHS. Tuyên bố: Bị cáo [Đặng Thị B](#) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt: Đề nghị HĐXX xử phạt: Bị cáo [Đặng Thị B](#) từ 33 đến 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Về TNDS: Bị cáo đã khắc phục hậu quả bồi thường cho bị hại số tài sản trộm cắp, bị hại bà [Nguyễn Thị L](#) không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị HĐXX không xét. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX tuyên bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra [Công an tỉnh T](#); Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS). Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo [Đặng Thi B](#) đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Căn cứ lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng 15 giờ, ngày 19/3/2026, [Đặng Thi B](#) đến nhà ông [Nguyễn Văn Q](#) ở [thôn V, xã H, tỉnh Thanh Hóa](#) lén lút trộm cắp các tài sản gồm: 84.000.000 VN đồng ([T](#) mươi bốn triệu đồng), 01 (một) dây chuyền vàng 05 chỉ loại 9999 và 01 (một) nhẫn vàng 1,5 chỉ loại 9999 có tổng trị giá 171.022.921 đồng (*Một trăm bảy mươi một triệu, không trăm hai mươi hai nghìn, chín trăm hai mươi một đồng*) là tài sản cá nhân của bà [Nguyễn Thị L](#). Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại điểm c khoản 2 điều 173 của Bộ Luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xét xử bị cáo bằng một mức án nghiêm minh nhằm răn đe giáo dục đối với bị cáo và nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung trên địa bàn dân cư.

Xét các tình tiết tăng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thật thà, thành khẩn, sau khi phạm tội đã khắc phục hậu quả bồi thường cho bà [Nguyễn Thị L](#) toàn bộ tài sản bị cáo lấy cắp. Ngoài ra, HĐXX cũng xét sau khi phạm tội bị cáo đã đến cơ quan điều tra đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, quá trình điều tra và tại phiên tòa bà [Nguyễn Thị L](#) xin giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự cho bị cáo. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s,b khoản 1 và khoản 2 điều 51 BLHS. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm Hình sự bị cáo phải chịu một tình tiết

tăng nặng là: “ Phạm tội đối với người từ đủ 70 tuổi trở lên” theo điểm i khoản 1 điều 52 BLHS.

Xét về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, hoàn cảnh khó khăn, các con của bị cáo còn nhỏ nên HĐXX xem xét áp dụng điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo, để bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện để cải tạo giáo dục đối với bị cáo, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo đã khắc phục hậu quả bàn giao số tiền và tài sản trộm cắp của bà L. Bà Nguyễn Thị L đã nhận lại đầy đủ tài sản bị mất cắp và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

[5] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 điều 52; Điều 65 BLHS.

Tuyên bố: Bị cáo Đặng Thị B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Thị B 33 (ba mươi ba) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (05/8/2026).

Giao bị cáo Đặng Thị B cho UBND xã H , tỉnh Thanh Hoá quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 Luật thi hành án Hình sự

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã khắc phục hậu quả bàn giao số tiền và tài sản trộm cắp của bà L. Bà Nguyễn Thị L đã nhận lại đầy đủ tài sản bị mất cắp và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xét.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Đặng Thị B phải nộp án phí HSST 200.000 đ (hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo và bị hại bà Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05 / 8 /2026).

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,8 và điều 36 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án Dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 6-Thanh Hoá;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CQCSĐT CA tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Thanh Hoá.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Hương